

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2017
"V/v Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích Hương

2. Bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn P- Sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh P

- Bị đơn: Chị Lê Thị C - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Anh P, chị C đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn anh **Hà Văn P** trình bày: Anh và chị Lê Thị C tự nguyện kết hôn với nhau ngày 25/6/2010 và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh P đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng vào Miền Nam làm ăn cho đến cuối năm 2014 thì vợ chồng về xã Đ, huyện T, tỉnh P sinh sống cùng với gia đình anh. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2016 thì mâu thuẫn nảy sinh, nguyên nhân là do hoàn cảnh điều kiện anh phải đi làm ăn xa nên vợ chồng không có nhiều thời gian chung sống gần nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng sống không có hạnh phúc nên từ tháng 11/2016, anh và chị C đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C không còn, không thể tiếp

tục chung sống cùng nhau được vì vậy anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Lê Thị C.

- Về con chung: Anh và chị Lê Thị C có 02 con chung là Hà Lê Thanh T: Sinh ngày 03/2/2011 và Hà Thái B: Sinh ngày 14/10/2014. Nếu được ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Hà Thái B và đồng ý để chị C trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Hà Lê Thanh T. Anh không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác anh và chị Lê Thị C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị **Lê Thị C** vắng mặt nhưng đã có lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau: Về thời gian kết hôn, các thủ tục kết hôn giữa chị với anh Hà Văn P đúng như anh P đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng không thực sự hòa thuận, hạnh phúc và cho đến tháng 3/2016 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau, anh P đi làm xa không quan tâm chăm lo đến gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau từ hơn một năm nay. Đến nay, chị cũng xác định tình cảm giữa chị và anh Phương không còn nên chị cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn P.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Hà Văn P có 02 con chung là Hà Lê Thanh T: Sinh ngày 03/2/2011 và Hà Thái B: Sinh ngày 14/10/2014, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Lê Thanh T và đồng ý để anh Hà Văn P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Thái B. Chị không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác chị và anh Hà Văn P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong giai đoạn hòa giải chuẩn bị xét xử, các đương sự đã có lời khai tại Tòa án, đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và cả hai đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân giữa anh Hà Văn P và chị Lê Thị C thấy rằng: Anh Phương và chị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa anh P và chị C là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống do quan điểm, tính cách bất đồng. Ngoài ra một phần cũng do điều kiện làm ăn phải đi xa

nên vợ chồng không thường xuyên không ở gần nhau, không có nhiều thời gian quan tâm chăm sóc nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, vợ chồng còn thiếu sự tin tưởng nhau về kinh tế là những nguyên nhân chính dẫn đến bất đồng mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn cả hai lại không có biện pháp và cũng không có thực sự có ý muốn hàn gắn nên mâu thuẫn ngày càng trở nên nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc dẫn đến phải sống ly thân. Hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau. Xét cuộc hôn nhân này đến nay không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh P và chị C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Tại các bản tự khai anh Hà Văn P và chị Lê Thị C đều thể hiện quan điểm thống nhất, thỏa thuận: Sau khi ly hôn, anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Hà Thái B: Sinh ngày 14/10/2014 còn chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Hà Lê Thanh T: Sinh ngày 03/2/2011, không bên nào yêu cầu phải cấp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với điều kiện hiện tại của mỗi bên, vì vậy để đảm bảo cho các con chung có được sự chăm sóc tốt nhất nên yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con chung sau ly hôn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác anh Hà Văn P và chị Lê Thị C đều khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Hà Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh **Hà Văn P** và chị **Lê Thị C** được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Hà Văn P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung là **Hà Thái B**: Sinh ngày 14/10/2014. Giao cho chị Lê Thị C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là **Hà Lê Thanh T**: Sinh ngày 03/2/2011.

Anh Hà văn P và chị Lê Thị C đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác không có, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Anh Hà Văn P phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Hà Văn P đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2015/0003983 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn